

Rx

PHILCLIDEN

Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC

Mỗi lọ 10 mL chứa:

Thành phần hoạt chất: Kali iodide 0,3% (kl/tt)
Natri iodide 0,3% (kl/tt)

Thành phần tá dược: Methylparaben, hypromellose 2910, boric acid, natri tetraborate decahydrate, dinatri edetate hydrate, natri chloride, nước cất pha tiêm.

DẠNG BÀO CHẾ

Dạng bào chế: Dung dịch nhỏ mắt.
Mô tả: dung dịch trong suốt, không màu đựng trong lọ nhựa.

CHỈ ĐỊNH

PHILCLIDEN được dùng cho các bệnh nhân bị đục hoặc xuất huyết pha lê thể do bất kỳ nguyên nhân nào (tuổi tác, cận thị, tăng huyết áp, đái tháo đường, viêm quanh tĩnh mạch), đục thủy tinh thể mới khởi phát và tiến triển.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Người lớn: Nhỏ 1 giọt vào túi kết mạc, 1-3 lần/ngày.
Chưa có dữ liệu về sử dụng thuốc trên trẻ em và trẻ vị thành niên.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân quá mẫn với với hoạt chất hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
Bệnh nhân có tiền sử quá mẫn với iodine (nhiễm độc iod).
Rối loạn chức năng tuyến giáp hoặc bướu nhân giáp trạng.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Chỉ dùng để nhỏ mắt.
Tránh để đầu ống nhỏ giọt tiếp xúc trực tiếp với mắt.
Tránh dùng thuốc quá một tháng sau khi đã mở nắp.
Không thay đổi bao bì đóng gói để tránh dùng nhầm.
Bệnh nhân có dùng kính áp tròng nên nhỏ thuốc vào những lúc không mang kính. Có thể mang kính lại sau khi nhỏ thuốc ít nhất 30 phút. Để giảm tối thiểu hấp thu toàn thân, bệnh nhân nên ấn nhẹ vùng túi lệ bằng ngón tay trong 1-2 phút sau khi nhỏ thuốc.

PHILCLIDEN có chứa methylparaben, có thể gây ra các phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Chưa có nghiên cứu về sử dụng thuốc trên động vật hoặc phụ nữ mang thai, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

Phụ nữ cho con bú

Chưa có nghiên cứu sử dụng thuốc này trong thời gian cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Sau khi nhỏ thuốc, bệnh nhân có thể giảm thị lực tạm thời. Nên thông báo cho bệnh nhân không được lái xe hoặc sử dụng máy móc cho đến khi thị lực trở lại bình thường.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc



Chưa có báo cáo tương tác thuốc của muối iodine dùng trên mắt.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Các tác dụng không mong muốn sau có thể xảy ra khi dùng chế phẩm này và được phân loại theo tần suất: rất thường gặp ($\geq 1/10$), thường gặp ($\geq 1/100 \sim < 1/10$), ít gặp ($\geq 1/1000 \sim < 1/100$), hiếm gặp ($\geq 1/10000 \sim < 1/1000$) và rất hiếm gặp ($< 1/10000$). Trong mỗi nhóm tần suất, các phản ứng bất lợi được sắp xếp theo mức độ nghiêm trọng giảm dần.

Rối loạn mắt

Ít gặp: cảm giác bỏng rát hoặc xót nhẹ thoáng qua ngay sau khi nhỏ thuốc, tăng tiết nước mắt.

Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng

Chế phẩm này chứa iodide. Có thể gây cường giáp hoặc phát ban iodine ở những bệnh nhân có yếu tố thuận lợi.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Vô tình uống một chai của chế phẩm này thì vẫn thấp hơn liều quy định trong điều trị dự phòng kết hợp với iod phóng xạ mỗi ngày ở trẻ. Dự kiến không có hiện tượng nhiễm độc.

DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Nhóm thuốc nhãn khoa khác, kali iodide.

Mã ATC: S01XA04

Cơ chế tác dụng

Iodide dùng toàn thân hay tại chỗ đều làm tăng chuyển hóa trong pha lê thể và có thể làm trong pha lê thể bị vẩn đục.

Hiệu quả của iodine đối với đục thủy tinh thể lão suy giai đoạn sớm chưa được xác định. Tuy nhiên, sử dụng chế phẩm này lâu dài có thể làm chậm tiến triển đục thủy tinh thể và suy giảm thị lực.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Kali iodide khuếch tán nhanh vào thủy dịch khi thử nghiệm trên mắt thỏ. Trong vòng 60 phút, 0,25 μmol kali iodide tích lũy trong 1 mL thủy dịch. 6,4% lượng iodide tổng được tìm thấy trong thủy tinh thể và 3,7 % trong pha lê thể.

Hấp thu toàn thân sau khi nhỏ mắt chưa được nghiên cứu.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

10 mL/lọ/hộp.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

Điều kiện bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, ở nơi khô mát, dưới 30°C.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Dùng thuốc trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở nắp lọ.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC



SAMCHUNDANG PHARM. CO., LTD.

71, Jeyakongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.



클리드점안액-지함(햇멜트)
SIZE : 31×31×74mm

3도 별색

